TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1991; nơi thường trú: PH, phường PT, thành phố RG, tỉnh KG; tạm trú: tổ 14, khu phố KH, phường TPK, thị xã TU, tỉnh BD; xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: PH, phường PT, thành phố RG, tỉnh KG; Nơi làm việc: Chi nhánh Công ty TNHH RS- Cảng TP; địa chỉ: tổ 1, khu phố TL, phường TP, thị xã TU, tỉnh BD; xin vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; địa chỉ: PH, phường PT, thành phố RG, tỉnh KG; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố RG, tỉnh KG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109 quyển số II ngày 08/6/2010.

Sau khi vợ chồng kết hôn sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Bà B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Những vấn đề cụ thể bà B yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 06/5/2015. Hiện các con đang sống chung với bà nội là bà Nguyễn Thị V. Theo đơn khởi kiện bà B yêu cầu được quyền nuôi hai con chung nhưng theo nguyện của các con muốn sống chung với bà nội và ông Ch yêu cầu được quyền nuôi con. Do đó, bà B đồng ý giao hai con chung cho ông Ch nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng ông Ch có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Chn đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 06/5/2015. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ông Ch hay bà B. Trường hợp giao cho ông Ch nuôi dưỡng hai con chung thì ông Ch yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Phạm Bích D muốn sống chung với bà nội vì từ nhỏ đến nay cháu sống chung với bà Nội, em ruột cũng sống với bà nội. Cha mẹ thường Lễ, Tết mới về chơi.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày như sau: Bà V là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Ch. Từ khi vợ chồng bà B và ông Ch kết hôn sống chung với gia đình bà V. Sau đó, vợ chồng ông Ch đến Bình Dương làm ăn mỗi năm về nhà vào ngày Lễ, Tết và đám giỗ. Khoảng 03 năm gần đây, bà B không về nhà cũng không về thăm con. Hiện tại bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Bích D và cháu Nguyễn Phạm Bích D. Vợ chồng bà B và ông Ch gửi tiền hàng tháng cho bà V chăm sóc các cháu.

Theo biên bản xác minh của Tòa án tại Chi nhánh Công ty TNHH RS- Cảng TPbà Nguyễn Hồng Y – Trưởng phòng nhân sự của Công ty cung cấp thông tin như sau: ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: số 228 PH, PT, thành phố RG, tỉnh KG hiện tại làm việc tại nhà máy Chi nhánh Công ty TNHH RS- Cảng TP; địa chỉ tổ 1, khu phố CCh, phường ThP, thị xã TU, tỉnh BD.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn Ch kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà B yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà B yêu cầu ly hôn với ông Ch là có căn cứ. Về con chung: Hai cháu Nguyễn Phạm Bích D và Nguyễn Phạm Bích D có nguyện vong sống chung với bà nội. Hiện tại, hai cháu đang sống chung với bà nội và bà B đồng ý giao hai con chung cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà B đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là có căn cứ chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn Chơn có địa chỉ làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH RS - Cảng ThP thuộc tổ 1, khu phố CCh phường TP, thị xã TU, tỉnh BD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị B, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn Ch là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố RG, tỉnh KG theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 109 quyển số II ngày 08/6/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà B yêu cầu ly hôn với ông Chdo vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thương xuyên cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà B yêu cầu ly hôn với ông Ch là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 19/7/2009 và cháu Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 06/5/2015, hiện đang sống chung với bà nội Nguyễn Thị V và nguyện vong của cháu D cũng muốn sống chung với bà nội. Bà B đồng ý giao hai con chung cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng và ông Ch đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung nên yêu cầu của bà B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị B phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Văn Ch như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Phạm Bích D, sinh ngày 06/5/2015 cho ông Nguyễn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôn con với mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn Ch đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005556 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

- Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm